

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/DS-PT

Ngày: 27/02/2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy quyết định hành chính

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh L, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý 36/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định hành chính” do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 915/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 01 năm 2024 giữa:

*** Nguyên đơn:**

- Ông Trần Văn T và bà Vũ Thị M; Cùng địa chỉ: Tổ 4, phường P, thị xã S, tỉnh L.

- Ông Trần Văn T1; Địa chỉ: Tổ 3, phường P, thị xã S, tỉnh L.

- Ông Trần Văn L1 và bà Phạm Thị Thu H; Cùng địa chỉ: Tổ 3, phường P, thị xã S, tỉnh L.

- Ông Đào Duy H1 và bà Bùi Thị H2; Cùng địa chỉ: Tổ 4, phường P, thị xã S, tỉnh L.

- Bà Nguyễn Thị B; Địa chỉ: Tổ 3, phường P, thị xã S, tỉnh L.

Đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà 356 đường H3, tổ 14 phường K, thành phố L, tỉnh L.

Các nguyên đơn đều vắng mặt, bà Nguyễn Thị D có mặt.

*** Bị đơn:** Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S.

Địa chỉ: Số 89B, đường N, tổ 4 phường P, thị xã S, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chu H4 - Phó Chánh văn phòng Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Xuân T2 - Chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Vi H5 - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L; có mặt.

2. Trung tâm Giống nông nghiệp tỉnh L; Địa chỉ: Đường N1, tổ 32, phường C, thành phố L, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T3 - Chức vụ: Phó giám đốc; có mặt.

3. Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tiến D1 - Chức vụ: Phó chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn H6; Địa chỉ: Tổ 3, phường P, thị xã S, tỉnh L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, các đồng nguyên đơn thống nhất trình bày:

Năm 1976, bà Nguyễn Thị B khai hoang được diện tích 2.663m² đất;

Năm 1982, ông Trần Văn T1 khai hoang được diện tích 15.072,9m² đất; ông Trần Văn T và bà Vũ Thị M khai hoang được diện tích 7.086m²; bà Bùi Thị H2 và ông Đào Duy H1 khai hoang diện tích 7.206m².

Năm 1983, ông Trần Văn L1 và bà Phạm Thị Thu H khai hoang được diện tích 10.040m² đất.

Sau khi khai hoang được đất các hộ gia đình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp với ai, tuy nhiên diện tích đất trên chưa được các hộ dân kê khai làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) theo quy định của pháp luật. Đến năm 2014, Ủy ban nhân dân (sau

đấy viết tắt là UBND) tỉnh L đã ban hành Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L; Phê duyệt cho thuê đất, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S (giai đoạn 1); Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 26/4/2014 về phê duyệt thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L để thực hiện dự án đầu tư xây dựng quần thể công trình du lịch văn hóa, dịch vụ cáp treo, vui chơi giải trí, khách sạn F S, huyện S và đã cấp GCNQSDĐ số phát hành BU 623931 ngày 25/12/2014 cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S vào phần diện tích đất của ông T và bà M; ông T1; ông L1 và bà H; ông H1 và bà H2; bà B.

Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S phải trả lại toàn bộ diện tích đất 7.086m² cho ông Trần Văn T và bà Vũ Thị M, vị trí khu đất tại Vườn hợp tác xã thị xã S, tỉnh L.

- Buộc Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S phải trả lại toàn bộ diện tích đất 15.072,9m² cho ông Trần Văn T1, vị trí khu đất sau nhà S1 tổ 4, phường P, thị xã S, tỉnh L.

- Buộc Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S phải trả lại toàn bộ diện tích đất 10.040m² cho ông Trần Văn L1 và bà Phạm Thị Thu H, vị trí khu đất sau nhà S1 tổ 4, phường P, thị xã S, tỉnh L.

- Buộc Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S phải trả lại toàn bộ diện tích đất 7.206m² cho ông Đào Duy H1 và bà Bùi Thị H2, vị trí khu đất tại H7, tổ 4, phường P, thị xã S, tỉnh L.

- Buộc Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S phải trả lại toàn bộ diện tích đất 2.663m² cho bà Nguyễn Thị B, vị trí khu đất tại H7, tổ 4, phường P, thị xã S, tỉnh L.

Các đồng nguyên đơn đều yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích trên.

- Hủy một phần Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014; Hủy một phần Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 26/4/2014 của UBND tỉnh L về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L; Phê duyệt cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S.

- Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 623931 do UBND tỉnh L cấp ngày 25/12/2014 cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S, phần diện tích liên

quan đến đất của ông Trần Văn T và bà Vũ Thị M; Ông Trần Văn T1; Ông Trần Văn L1 và bà Phạm Thị Thu H; Ông Đào Duy H1 và bà Bùi Thị H2; Bà Nguyễn Thị B.

Bị đơn Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S trình bày:

Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S được UBND tỉnh L cấp GCNQSDĐ số phát hành BP 810716 ngày 18/3/2014 và GCNQSDĐ số phát hành BU 623931 ngày 25/12/2014. Từ thời điểm được cấp GCNQSDĐ đến nay, Công ty sử dụng đất đúng theo ranh giới và mục đích đất được giao. Vì vậy, các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy một phần các Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014; Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 26/4/2014 của UBND tỉnh L và hủy một phần GCNQSDĐ số phát hành BU 623931 do UBND tỉnh L cấp ngày 25/12/2014 cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S là không có căn cứ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh L trình bày:

Việc thu hồi đất của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L; Phê duyệt cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S thuê đất giai đoạn 1:

Ngày 04/3/2014, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Xây dựng (nay là Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng), UBND huyện S (nay là UBND thị xã S), UBND thị trấn S (nay là UBND phường P), Trung tâm Giống nông lâm nghiệp và Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S tiến hành kiểm tra xác minh thực địa hiện trạng sử dụng đất;

Ngày 13/3/2014, Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 108/TTr-STNMT về việc đề nghị thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L; Phê duyệt cho thuê đất giai đoạn 1, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S. Nội dung Tờ trình đã nêu rõ: Tổng diện tích xác định lại theo Quyết định giao đất số 670/QĐ-CT ngày 02/4/2002 là 237.465,4m² giảm 5.034,6m² so với quyết định giao đất cho Trung tâm Giống nông lâm nghiệp, lý do giảm là do trước đây chưa được đo đạc chính xác.

Trong 237.465,4m² có 153.552,0m² đất Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L đang quản lý sử dụng, nằm trong ranh giới được giao đất không có vướng mắc, tranh chấp nên đủ điều kiện trình UBND tỉnh thu hồi chuyển mục đích và cho thuê đất giai đoạn 1; phần còn lại 83.913,4m² giao UBND huyện S bồi thường giải phóng mặt bằng.

Ngày 18/3/2014, UBND tỉnh L phê duyệt thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L; Phê duyệt cho thuê đất giai đoạn 1, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S tại Quyết định số 724/QĐ-UBND, GCNQSDĐ số BP810716. Diện tích cho thuê, cấp Giấy chứng nhận giai đoạn 1

là 153.552,0m². Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S được bàn giao đất, ký hợp đồng thuê đất đúng quy định.

Việc thu hồi đất của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L; phê duyệt cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S thuê đất giai đoạn 2 và cấp GCNQSDĐ:

Ngày 07/8/2014, Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 265/TTr-STNMT về việc đề nghị phê duyệt cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S thuê đất đợt 2. Nội dung tờ trình đã nêu rõ: Phần diện tích 37.718,0m² do Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L đang sử dụng nằm ngoài ranh giới được giao đất tại Quyết định số 670/QĐ-CT ngày 02/4/2002, UBND tỉnh đã giao cho UBND huyện S thực hiện công khai ranh giới thửa đất để xác định các chủ sử dụng đất có liên quan nếu có, UBND huyện S đã kết thúc việc công khai và xác nhận thửa đất không có tranh chấp. Vì vậy, UBND tỉnh phê duyệt thu hồi 37.718,0m² đất của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L để giao cho UBND huyện S quản lý, bố trí sử dụng theo quy hoạch và đã được UBND tỉnh phê duyệt thu hồi đất tại Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 26/4/2014.

Ngày 20/8/2014, UBND tỉnh L phê duyệt cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S thuê đất (giai đoạn 2) tại Quyết định số 2347/QĐ-UBND với diện tích là 37.718,0m².

Căn cứ quyết định cho thuê đất của UBND tỉnh L, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với UBND huyện S, UBND thị trấn S bàn giao đất tại thực địa cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S để sử dụng, thực hiện dự án và đã ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S tại Hợp đồng số 75/HĐTĐ ngày 17/12/2014. Ngày 23/12/2014, Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 425/TTr-STNMT đề nghị UBND tỉnh phê duyệt cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S.

Ngày 25/12/2014, UBND tỉnh L phê duyệt cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S tại Quyết định số 4118/QĐ-UBND, Giấy CNQSDĐ số BU623931 diện tích là 37.718,0m².

Như vậy, UBND tỉnh L đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục giao đất cho thuê đất, cấp GCNQSDĐ cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị xã S trình bày:

Về nguồn gốc đất và việc giao đất cho Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L: Ngày 31/12/1994 UBND tỉnh L đã ban hành Quyết định số 474/QĐ-UBND về việc giao đất cho Lâm trường S, với tổng diện tích là 4.074,8 ha (trong đó bao gồm cơ bản diện tích đất sau đó giao cho Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L, khu bãi rác, mộ ông T4...).

Năm 1999, Ban quản lý dự trồng mới 5 triệu ha rừng huyện S được thành lập trực thuộc Lâm Trường S. Năm 2001 có 06 cá nhân là: Bà Phạm Thị N2, ông Trần Văn T, bà Vũ Thị M, ông Lưu Xuân Đ, ông Nguyễn Văn T5 và bà Vũ Thị S2 ký hợp đồng nhận khoán, chăm sóc bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh với Ban quản lý dự án trồng mới 5 triệu ha rừng với tổng diện tích là 50,22 ha. Ngày 21/3/2002, UBND huyện S có Tờ trình số 76/TT-UB về việc xin giao đất cho Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L để xây dựng cơ sở sản xuất cây ăn quả ôn đới và vườn mẫu; vị trí tại xóm 4, thị trấn S với diện tích 24,25 ha; nguồn gốc đất: Đất thu hồi của Ban quản lý dự án cơ sở trồng mới 5 triệu ha rừng huyện S.

Ngày 25/3/2002, Sở Tài nguyên và Môi trường đã thẩm tra hồ sơ và trình UBND tỉnh phê duyệt giao cho Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L tại Tờ trình số 65/TT-ĐC, với diện tích 24,25 ha.

Ngày 02/4/2002, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 669/QĐ-CT về việc thu hồi đất lâm nghiệp đã giao cho Lâm trường S, cùng ngày đã phê duyệt giao đất cho Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L tại Quyết định số 670/QĐ-CT, với diện tích 24,25 ha; Trong đó 17,37 ha đất thu hồi từ đất rừng phòng hộ của Ban quản lý dự án 661; Đối với 6 cá nhân nhận hợp đồng nhận khoán, chăm sóc, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh đã được đền bù về tài sản.

Ngày 15/4/2003, Ban quản lý dự án 661 đã bàn giao mặt bằng cho Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L với diện tích là 17.37 ha. Đối với diện tích đất còn lại, ngày 17/02/2003 UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 23/QĐ-UB về việc thu hồi để xây dựng dự án Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L và đã thu hồi đất của 11 hộ gia đình cá nhân với tổng diện tích thu hồi là 74.678m² theo Quyết định số 479/QĐ-UB ngày 10/12/2003 của UBND tỉnh L, thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn B1 diện tích 350m². Việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân, các hộ đã ký nhận tiền đền bù giải phóng mặt bằng tại biên bản ngày 03/7/2003.

Như vậy, toàn bộ diện tích 24,25 ha UBND tỉnh L giao cho Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L từ năm 2003 là thu hồi của 1 tổ chức (Ban quản lý dự án 661) và 11 hộ gia đình cá nhân, không vướng mắc về bồi thường giải phóng mặt bằng.

Về quá trình sử dụng đất: Sau khi nhận bàn giao với tổng diện tích 24,25 ha, trong đó nhận bàn giao từ Ban bản quản lý dự án 661 là 17,37 ha và diện tích còn lại là thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng của 11 hộ gia đình, cá nhân. Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L đã quản lý sử dụng đúng ranh giới, diện tích để thực hiện sản xuất giống cây ăn quả ôn đới và vườn mẫu, theo ranh giới được rào bằng dây thép gai, cột bê tông và không có hộ dân nào lấn chiếm. Hàng rào bảo vệ tồn tại từ năm 2003.

Toàn bộ diện tích trên Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L sử dụng ổn định từ năm 2003, đến năm 2014 UBND tỉnh thu hồi giao cho Công ty TNHH

du lịch dịch vụ cáp treo F S thuê đất tại Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 26/4/2014 về phê duyệt thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Quần thể công trình du lịch văn hóa, dịch vụ cáp treo, vui chơi giải trí, khách sạn F S và Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 về việc thu hồi, chuyển mục đích của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L; phê duyệt cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S (giai đoạn 1). Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L trình bày:

Trung tâm Giống nông lâm nghiệp không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn với lý do sau: Trại thực nghiệm và sản xuất giống cây ăn quả S được UBND tỉnh L giao cho Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L (nay là Trung tâm Giống nông lâm nghiệp tỉnh L) tại Quyết định số 670/QĐ-CT ngày 02/4/2022 với tổng diện tích được giao là 24,25 ha để sử dụng vào mục đích nghiên cứu, khảo nghiệm và sản xuất các giống cây ăn quả ôn đới, các giống rau, hoa dược liệu của tỉnh. Sau khi nhận bàn giao đất ngoài thực địa từ Ban giải phóng mặt bằng dự án sản xuất xây ăn quả ôn đới và vườn mẫu của UBND huyện S, Trung tâm giống đã xây dựng hàng rào thép gai để bảo vệ diện tích đất được giao là 191.270m² và sử dụng ổn định, đúng mục đích được cấp giao từ năm 2003 đến năm 2014, UBND tỉnh L ban hành 02 quyết định thu hồi đất của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L tại Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 và Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 26/4/2014. Trong quá trình được giao quản lý và sử dụng đất từ năm 2003 đến năm 2014 Trung tâm giống không có tranh chấp với các hộ dân.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H6 nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành được phiên hòa giải.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 95, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Luật Đất đai năm 2003; Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai 2013; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T và bà Vũ Thị M; Ông Trần Văn T1; Ông Trần Văn L1 và bà Phạm Thị Thu H; Ông Đào Duy H1 và bà Bùi Thị H2; Bà Nguyễn Thị B về việc:

- Buộc Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S phải trả lại toàn bộ diện tích đất 7.086,0m² cho ông Trần Văn T và bà Vũ Thị M, vị trí khu đất tại Vườn hợp tác xã thị xã S, tỉnh L và yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích trên cho ông Trần Văn T và bà Vũ Thị M.

- Buộc Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S phải trả lại toàn bộ diện tích đất 15.072,9m² cho ông Trần Văn T1, vị trí khu đất sau nhà S1 tổ 4, phường P, thị xã S, tỉnh L và yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích trên cho ông Trần Văn T1.

- Buộc Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S phải trả lại toàn bộ diện tích đất 10.040,0m² cho ông Trần Văn L1 và bà Phạm Thị Thu H, vị trí khu đất sau nhà S1 tổ 4, phường P, thị xã S, tỉnh L và yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích trên cho ông Trần Văn L1 và bà Phạm Thị Thu H.

- Buộc Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S phải trả lại toàn bộ diện tích đất 7.206,0m² cho ông Đào Duy H1 và bà Bùi Thị H2, vị trí khu đất tại H7, tổ 4, phường P, thị xã S, tỉnh L và yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích trên cho ông Đào Duy H1 và bà Bùi Thị H2.

- Buộc Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S phải trả lại toàn bộ diện tích đất 2.663,0m² cho bà Nguyễn Thị B, vị trí khu đất tại H7, tổ 4, phường P, thị xã S, tỉnh L và yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích trên cho bà Nguyễn Thị B.

- Hủy một phần Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 của UBND tỉnh L về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L; phê duyệt cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S (giai đoạn 1), phần liên quan đến diện tích đất của ông Trần Văn T và bà Vũ Thị M; Ông Trần Văn T1; Ông Trần Văn L1 và bà Phạm Thị Thu H; Ông Đào Duy H1 và bà Bùi Thị H2; Bà Nguyễn Thị B.

- Hủy một phần Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 26/4/2014 của UBND tỉnh L về phê duyệt thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Quần thể công trình du lịch văn hóa, dịch vụ cáp treo, vui chơi giải trí, khách sạn F S, huyện S, phần liên quan đến diện tích đất của ông Trần Văn T và bà Vũ Thị M; Ông Trần Văn T1; Ông Trần Văn L1 và bà Phạm Thị Thu H; Ông Đào Duy H1 và bà Bùi Thị H2; Bà Nguyễn Thị B.

- Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 623931 do UBND tỉnh L cấp ngày

25/12/2014 cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S, phần liên quan đến diện tích đất của ông Trần Văn T và bà Vũ Thị M; Ông Trần Văn T1; Ông Trần Văn L1 và bà Phạm Thị Thu H; Ông Đào Duy H1 và bà Bùi Thị H2; Bà Nguyễn Thị B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/10/2022, các đồng nguyên đơn cùng có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S phải trả lại diện tích đất mà các nguyên đơn cho rằng là của mình nhưng bị UBND tỉnh thu hồi trái pháp luật và yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất, hủy một phần quyết định hành chính của UBND tỉnh L và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh L cấp ngày 25/12/2014 cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S. Tòa án nhân dân tỉnh L thụ lý và xác định quan hệ pháp luật là: *“Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định hành chính”* là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi liên quan là UBND thị xã S có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H6 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn không kháng cáo, nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Các nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S phải trả lại đất và yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất tranh chấp, theo đó:

[2.1.1] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp:

Các nguyên đơn cho rằng nguồn gốc diện tích đất tranh chấp do ông Trần Văn T và bà Vũ Thị M, ông Trần Văn T1, ông Trần Văn L1 và bà Phạm Thị Thu H, ông Đào Duy H1 và bà Bùi Thị H2, bà Nguyễn Thị B khai hoang nhưng chưa kê khai làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Bị đơn cho rằng từ thời điểm được cấp GCNQSDĐ, Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S sử dụng đất đúng theo ranh giới, mục đích sử dụng đất được giao.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy nguồn gốc diện tích đất giao cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S như sau: Ngày 31/12/1994, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 474/QĐ-UB về việc giao đất cho Lâm trường S để sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Do không có nhu cầu sử dụng và để chuyển sang dự án trồng mới 5 triệu ha rừng nên ngày 02/4/2002 UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 669/QĐ-CT về việc thu hồi đất lâm nghiệp của Lâm trường S.

Ngày 02/4/2002, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 670/QĐ-CT về việc giao đất cho Trung tâm Giống nông nghiệp L để thực hiện dự án sản xuất giống cây ăn quả ôn đới và vườn mẫu với diện tích 24,25ha, trong đó diện tích đất bàn giao là 17,37ha (diện tích đất do Ban quản lý dự án bảo tồn và phát triển rừng đã ký kết và thanh lý hợp đồng với 06 hộ nhận khoán trồng rừng, bảo vệ rừng là bà Phạm Thị N2, bà Vũ Thị M, ông Trần Văn T, ông Nguyễn Văn T5, ông Lưu Xuân Đ, bà Vũ Thị S2) đã bàn giao diện tích đất trên cho Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L theo biên bản thẩm tra ngày 25/4/2003.

Ngày 17/02/2003, UBND huyện S ban hành Quyết định số 23/QĐ-UB về việc thu hồi đất của 11 hộ gia đình, cá nhân nằm trong vùng quy hoạch dự án Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L. Tổng diện tích đất thu hồi là 74.578m² và thu hồi diện tích 350m² đất của ông Nguyễn Văn B1 tại Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 10/12/2003, các hộ dân đã nhận tiền đền bù theo biên bản ngày 03/7/2003. Diện tích 24,25ha UBND tỉnh L giao cho Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L; sau khi chuyển điểm, cắm mốc giới thửa đất tại thực địa theo đúng ranh giới được giao tại Quyết định số 670/QĐ-CT và xác định lại diện tích theo

đúng quy định thì thửa đất thực tế có diện tích là 237.465,4m², giảm 5.034,6m² so với diện tích đã được giao. Nguyên nhân giảm diện tích là do trước đây tính diện tích bằng phương pháp thủ công nên có độ chính xác không cao, trong diện tích 237.465,4m² có 153.552m² đất Trung tâm Giống nông nghiệp L đang quản lý sử dụng, nằm trong ranh giới được giao đất, không có vướng mắc, tranh chấp, còn lại 83.913,4m² diện tích đất được giao nhưng chưa sử dụng để lần chiếm.

Ngày 18/3/2014, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 724/QĐ-UBND về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L; phê duyệt cho thuê đất, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S (giai đoạn 1), thu hồi 237.465,4m² của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L được giao tại Quyết định số 670/QĐ-CT ngày 02/4/2022. Trong đó: Diện tích đất đang quản lý, sử dụng là 153.552m². Diện tích đất theo quyết định được giao nhưng chưa sử dụng để lần, chiếm là 83.913,4m². Ngoài ra tại mục 2 Điều 3 của quyết định còn có nội dung: *“UBND huyện S có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích nêu tại điểm b khoản 1 Điều 1 của quyết định này theo quy định hiện hành để thực hiện quy hoạch; chủ trì, phối hợp với Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L thực hiện thông báo, công bố công khai ranh giới, diện tích đất 37.718m² do Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L đang quản, sử dụng nhưng nằm ngoài ranh giới được giao tại Quyết định số 670/QĐ-CT ngày 02/4/2002, hết thời gian công khai nếu không có chủ sử dụng nào khác trong phần diện tích đất này, UBND huyện S báo cáo để UBND tỉnh thu hồi đất của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp theo quy định”*. Theo quyết định trên, UBND huyện S (nay là UBND thị xã S) đã ban hành 02 Thông báo số 40/TB-UBND ngày 13/3/2014 và Thông báo số 144/TB-UBND ngày 16/6/2014 về việc nộp giấy tờ về quản lý sử dụng đất trong khu vực quy hoạch quần thể công trình du lịch văn hóa, dịch vụ cáp treo, vui chơi giải trí, khách sạn, F S. UBND thị trấn S và UBND xã San Sả Hồ đã thông báo 03 lần trên Đài truyền hình L và báo L nhưng hết thời gian thông báo (ngày 31/3/2014, UBND huyện S không nhận được giấy tờ gì về quyền sử dụng đất trong khu vực diện tích 37.718m². Ngày 03/4/2014, UBND huyện S đã có Tờ trình số 91/TTr-UBND về việc đề nghị thu hồi đất của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L. Ngày 26/4/2014, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1164/QĐ-UBND về việc phê duyệt thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm giống nông lâm nghiệp L để thực hiện dự án đầu tư xây dựng quần thể công trình du lịch văn hóa, dịch vụ cáp treo, vui chơi giải trí khách sạn F S, huyện S.

Trong quá trình UBND huyện S thống kê, thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ cho các hộ dân giai đoạn từ năm 2002 đến năm 2003 và trong suốt thời gian từ năm 2003-2014 Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L tiếp nhận, quản lý và sử dụng ổn định liên tục, các hộ dân đều không có ý kiến hoặc đơn thư thắc mắc gì đối với diện tích đất được UBND giao nằm trong phạm vi ranh giới cột bê tông cốt thép và hàng rào dây thép gai.

Mặt khác, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L xác định được toàn bộ diện tích đất bà Nguyễn Thị B; Ông Đào Duy H1 và bà Bùi Thị H2; ông Trần Văn T1 nằm trong Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 của UBND tỉnh L. Một phần diện tích đất ông Trần Văn T và bà Vũ Thị M; Ông Trần Văn L1 và bà Phạm Thị Thu H nằm trong Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 và Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 26/4/2014 của UBND tỉnh L. Diện tích đất do ông Trần Văn T1 xác nhận theo Kết luận thanh tra số 06/KL-TT ngày 17/3/2021 của Thanh tra tỉnh L có 02 thửa, thửa đất có diện tích 3.767,7m² nằm toàn bộ trong Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014, thửa đất có diện tích 11.305,2m² (một phần diện tích 1.842,7m² nằm trong Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014; Một phần diện tích 5.286,3m² nằm trong Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014, phần diện tích này Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L không sử dụng bị lấn chiếm; Một phần diện tích 442,8m² nằm trong Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 26/4/2014; Một phần diện tích 3.733,5m² nằm trong các Quyết định số 406; 414; 415; 417; 420; 423; 425; 427/QĐ-UBND ngày 26/4/2016 của UBND huyện S về việc thu hồi đất để thực hiện quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 quần thể công trình du lịch văn hóa, dịch vụ cáp treo, vui chơi giải trí khách sạn F, huyện S. Đối với các diện tích đất thu hồi tại các Quyết định số 406; 414; 415; 417; 420; 423; 425; 427/QĐ-UBND ngày 26/4/2016 của UBND huyện S, diện tích đất thu hồi của các hộ gia đình cá nhân là diện tích đất chưa thu hồi giải phóng mặt bằng nằm ngoài hàng rào của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L.

[2.1.2] Quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nguồn gốc đất tranh chấp là do gia đình mình khai hoang được. Theo các căn cứ trên xác định diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc một phần là đất của một số hộ gia đình, cá nhân đã được thu hồi để giao cho Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L. Quá trình thu hồi đất, giải phóng mặt bằng đất và quá trình Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L quản lý, sử dụng đất không có khiếu nại, kiến nghị gì. Ngoài ra, các nguyên đơn cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để xác định quyền sử dụng hợp pháp của mình đối với diện tích đất tranh chấp theo quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai 2013; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

[2.2] Xét yêu cầu của các nguyên đơn về việc hủy một phần Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 và một phần Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 26/4/2014 của UBND tỉnh L.

[2.2.1] UBND tỉnh L ban hành quyết định thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L, phê duyệt cho thuê đất, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S là đúng thẩm quyền, trình tự theo quy

định tại khoản 1 Điều 37, Điều 41, Điều 44 Luật Đất đai năm 2003.

[2.2.2] Về nội dung: Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 “*Thu hồi 237.465,4m² đất nông nghiệp của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L....được giao tại Quyết định số 670/QĐ-CT ngày 02/4/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh L..... tổng diện tích đất thu hồi chuyển mục đích 237.465,4m² trong đó: Diện tích đất đang quản lý, sử dụng là 153.552,0m². Diện tích đất được giao nhưng không sử dụng để lấn chiếm 83.913,4m²....cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S... thuê 153.552,0m²...*”. Đối với diện tích đất 153.552,0m² mà Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L quản lý, sử dụng ổn định nằm trong ranh giới được giao, không phát sinh tranh chấp từ thời điểm được giao đất cho đến khi thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất.

Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 26/4/2014 có nội dung: “*Thu hồi 37.718,0m² đất nông nghiệp của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L đang quản lý, sử dụng... lý do thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng quần thể công trình du lịch văn hóa, dịch vụ cáp treo, vui chơi giải trí, khách sạn F, huyện S theo dự án, quy hoạch chi tiết được duyệt....*”.

Theo hai quyết định trên diện tích đất do Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L quản lý, sử dụng nằm ngoài ranh giới được giao tại Quyết định số 670/QĐ-CT ngày 02/4/2002. UBND huyện S đã thông báo, công bố công khai ranh giới, diện tích đất 37.718,0m². Tuy nhiên, đến hết thời gian thông báo, UBND huyện S không nhận được giấy tờ gì về quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên. Việc UBND tỉnh L thu hồi đất của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L và chuyển mục đích sử dụng đất cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S là đúng vị trí, diện tích và chủ sử dụng đất.

[2.3] Xét yêu cầu của các nguyên đơn về việc hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 623931 do UBND tỉnh L cấp ngày 25/12/2014 cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S. Hội đồng xét xử thấy:

UBND tỉnh L cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 122 của Luật Đất đai 2003. Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S quản lý, sử dụng diện tích đất trên ổn định từ khi được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho đến nay ông Trần Văn T và bà Vũ Thị M; ông Trần Văn T1; ông Trần Văn L1 và bà Phạm Thị Thu H; ông Đào Duy H1 và bà Bùi Thị H2; bà Nguyễn Thị B không chứng minh được quyền quản lý sử dụng hợp pháp của mình đối với diện tích đất tranh chấp. Diện tích 153.552,0m² đất được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S là diện tích đất thu hồi của Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L theo Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014, diện tích đất trên Trung tâm Giống nông lâm nghiệp L quản lý, sử dụng ổn định, không tranh chấp từ khi được

giao đất đến khi thu hồi. Sau khi Công ty TNHH du lịch dịch vụ cáp treo F S được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, công ty đã sử dụng ổn định từ thời điểm đó cho đến nay.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không xuất trình thêm tài liệu mới có thể thay đổi nội dung vụ án. Do đó Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Kháng cáo của các đồng nguyên đơn không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/NQ ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn là ông Trần Văn T và bà Vũ Thị M; ông Trần Văn T1; ông Trần Văn L1 và bà Phạm Thị Thu H; ông Đào Duy H1 và bà Bùi Thị H2; bà Nguyễn Thị B. Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 23 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

2. Về án phí: Ông Trần Văn T và bà Vũ Thị M, ông Trần Văn T1, ông Trần Văn L1 và bà Phạm Thị Thu H, ông Đào Duy H1 và bà Bùi Thị H2, bà Nguyễn Thị B, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm các đương sự đã nộp theo Biên lai thu số 0000232 ngày 17/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh L.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Cục THADS tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà

